



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014  
(đã được kiểm toán)



AASC AUDITING FIRM

A member of  International

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 26
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 26

Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà Thành Phố Hồ Chí Minh  
132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà Thành Phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### CÔNG TY

Công ty TNHH Một Thành Viên Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh là công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam được chuyển đổi từ Công ty Quản lý công trình Cầu - Phà Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số 0310986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 09 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại số 132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Thành viên trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Hữu Châu	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 03 tháng 04 năm 2014)
Ông Trần Minh Thành	Chủ tịch	(Bỏ nhiệm ngày 03 tháng 04 năm 2014)
Ông Nguyễn Đức Chính	Thành viên	
Ông Vũ Tiến Đạt	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2014)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Chính	Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2014)
Ông Lê Hữu Châu	Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2014)
Ông Phạm Ngọc Thành	Phó Giám đốc	
Ông Vũ Tiến Đạt	Phó Giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Mạnh Thu	Kiểm soát viên
-----------------	----------------

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phú Thành Phố Hồ Chí Minh  
132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc

Le Hữu Châu

Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2015



Số: 377/2015/BC.KTTC-AASC.KT I

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà Thành Phố Hồ Chí Minh

### Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà Thành Phố Hồ Chí Minh được lập ngày 20 tháng 01 năm 2015, từ trang 6 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên


Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Với những tài liệu hiện có, bằng các thủ tục kiểm toán khác chúng tôi chưa thể khẳng định được tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản mục hàng tồn kho, tài sản cố định vào ngày 31/12/2014 của Công ty;
- Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, một số khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu xác nhận tại 31/12/2014 với số tiền tương ứng là 123.030.580.895 VND và 124.071.000.230 VND;

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of  International

HÃNG KIỂM TOÁN AASC

- Các công trình "Xây dựng cầu Rạch Ròp 1", công trình "Thi công máng đỡ ống cấp nước cầu Kiệu thuộc dự án Cầu Lê Văn Sỹ, cầu Kiệu, cầu Bông trên kênh Nhiều Lọc -Thị Nghè và cầu Hậu Giang trên kênh Tân Hòa -Lò Gò" và công trình "Ngâm hóa XD hầm công cấp thông tin trên đường Nguyễn Du - gói 1" đã được nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành trong năm 2014 nhưng chưa được Công ty ghi nhận doanh thu và giá vốn với số tiền tương ứng là 3.458.451.463 VND và 3.296.330.019 VND;
- Tại thời điểm 31/12/2014 Công ty đang theo dõi khoản người mua trả tiền trước của Công ty Cổ phần Thành Long 17 để thực hiện thi công công trình Cầu vượt bằng thép tại ngã tư Thủ Đức với số tiền là 2.000.000.000 VND. Công trình này đã được ký kết biên bản xác nhận khối lượng với chủ đầu tư, điều này cho thấy có thể tồn tại Doanh thu hoặc Chi phí chưa được ghi nhận;
- Công ty đang ghi nhận doanh thu và giá vốn công trình "Xây dựng cầu tạm Rạch Cát" với tổng số tiền tương ứng là 5.143.167.273 VND và 5.067.159.875 VND. Tuy nhiên, công trình này mới chỉ được nghiệm thu khối lượng với chủ đầu tư một phần trong năm 2014;
- Doanh thu của công trình "Sửa chữa đảm bảo giao thông cầu Thị Nghè 1" với số tiền là 1.944.470.000 VND chưa được điều chỉnh tăng vào kết quả kinh doanh của năm 2013 theo biên bản kiểm tra của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên Công ty đang ghi giảm khoản doanh thu này trong Báo cáo tài chính của năm 2014;
- Quỹ lương của năm 2013 chưa được chi hết đến thời điểm 31/12/2014, nguyên nhân là do Công ty chưa thực hiện điều chỉnh giảm Doanh thu của sản phẩm công ích do điều chỉnh giảm giá khi điều chỉnh từ mức lương 2.000.000 VND xuống mức lương 1.512.000 VND;
- Tại thời điểm phát hành Báo cáo Kiểm toán này, Quỹ lương của Công ty năm 2013 và 2014 vẫn chưa nhận được sự phê duyệt của chủ sở hữu.

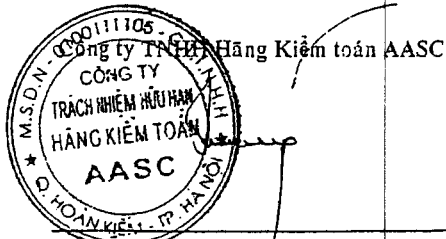
#### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### *Vấn đề khác*

Theo Quyết định số 568/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 01 năm 2013 của UBND thành phố về ban hành kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013-2015, Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh sẽ xác định giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa tại 31/12/2014. Theo đó, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi theo TT 228/BTC của Bộ Tài Chính ngày 17 tháng 12 năm 2009 vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán Thái Bình Dương theo Báo cáo kiểm toán số 020/2014/BCKT-TBD ngày 26 tháng 03 năm 2014. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận từng phần đối với báo cáo tài chính này.



Nguyễn Quốc Dũng  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
 kiểm toán số: 0285-2013-002-1  
 Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Phạm Anh Tuấn  
 Kiểm toán viên  
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
 kiểm toán số: 0777-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
		VND	Đã điều chỉnh VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>241.776.630.299</b>	<b>258.200.111.146</b>
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	61.902.619.322	74.952.849.323
111 1. Tiền		25.602.619.322	12.952.849.323
112 2. Các khoản tương đương tiền		36.300.000.000	62.000.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		122.990.238.430	79.264.352.870
131 1. Phải thu khách hàng		104.723.981.805	68.506.160.483
132 2. Trả trước cho người bán		5.883.207.011	3.375.930.141
135 5. Các khoản phải thu khác	4	12.423.392.079	7.422.604.711
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	5	(40.342.465)	(40.342.465)
140 IV. Hàng tồn kho	6	3.613.521.977	3.796.021.513
141 1. Hàng tồn kho		3.613.521.977	3.796.021.513
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		53.270.250.570	100.186.887.440
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	70.787.293	2.377.896.048
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	3.685.315.126	3.152.335.862
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	9	49.514.148.151	94.656.655.530
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>90.764.097.190</b>	<b>89.185.890.863</b>
220 II. Tài sản cố định		88.318.106.116	88.907.337.448
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	87.767.295.552	88.378.903.556
222 - Nguyên giá		152.760.485.998	142.456.007.426
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(64.993.190.446)	(54.077.103.870)
227 3. Tài sản cố định vô hình	11	37.080.564	66.113.892
228 - Nguyên giá		87.100.000	87.100.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(50.019.436)	(20.986.108)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	513.730.000	462.320.000
260 V. Tài sản dài hạn khác		2.445.991.074	278.553.415
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.445.991.074	278.553.415
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>332.540.727.489</b>	<b>347.386.002.009</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

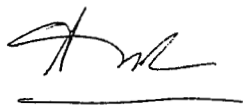
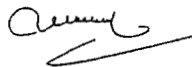
Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
		VND	Đã điều chỉnh VND
<b>300 A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>186.883.640.671</b>	<b>226.021.716.871</b>
310 I. Nợ ngắn hạn		186.883.640.671	226.021.716.871
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	14	8.243.668.799	-
312 2. Phải trả người bán		17.323.573.769	14.625.406.433
313 3. Người mua trả tiền trước		35.315.506.807	98.114.511.676
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	9.377.445.584	9.851.771.387
315 5. Phải trả người lao động		37.955.355.207	30.005.902.418
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	71.431.919.704	56.082.513.812
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		7.236.170.801	17.341.611.145
<b>400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>145.657.086.818</b>	<b>121.364.285.138</b>
410 I. Vốn chủ sở hữu	17	150.857.367.038	128.824.226.034
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		44.713.000.000	44.713.000.000
413 3. Vốn khác của chủ sở hữu		61.805.572.317	53.819.825.381
418 8. Quỹ dự phòng tài chính		11.126.507.673	11.126.507.673
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		33.212.287.048	19.164.892.980
430 II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		(5.200.280.220)	(7.459.940.896)
432 2. Nguồn kinh phí	18	(5.200.280.220)	(7.459.940.896)
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>332.540.727.489</b>	<b>347.386.002.009</b>

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Trần Thị Kinh Oanh

Lê Nga Phương

Hữu Châu



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	386.632.419.974	385.645.774.149
10 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		386.632.419.974	385.645.774.149
11 4. Giá vốn hàng bán	20	350.667.413.941	345.365.993.056
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.965.006.033	40.279.781.093
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.203.250.187	5.410.805.982
22 7. Chi phí tài chính	22	103.790.049	-
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		103.790.049	-
25 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	23.019.649.311	29.169.204.703
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.044.816.860	16.521.382.372
31 11. Thu nhập khác	24	2.791.073.742	9.775.647.052
32 12. Chi phí khác	25	826.411.028	744.957.617
40 13. Lợi nhuận khác		1.964.662.714	9.030.689.435
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.009.479.574	25.552.071.807
51 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	3.962.085.506	6.388.017.952
60 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		14.047.394.068	19.164.053.855

Người lập biểu

Trần Thị Kinh Oanh

Kế toán trưởng

Lê Nga Phương

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2015

Giám đốc



Hữu Châu

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

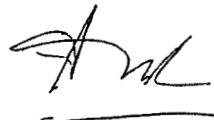
Năm 2014

Theo phương pháp trực tiếp

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	321.047.201.771	395.840.069.534
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(95.268.437.341)	(154.327.802.034)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(69.741.019.354)	(98.882.358.056)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(103.790.049)	-
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.696.780.873)	(10.823.505.220)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	14.472.738.286	8.038.925.327
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (*)	(187.971.292.441)	(119.375.763.090)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>(22.261.380.001)</i>	<i>20.469.566.461</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(2.318.731.636)	(27.235.429.973)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.286.212.837	-
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>967.481.201</i>	<i>(27.235.429.973)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	9.501.395.959	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.257.727.160)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>8.243.668.799</i>	<i>-</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>(13.050.230.001)</i>	<i>(6.765.863.512)</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	74.952.849.323	81.718.712.835
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 <u>61.902.619.322</u>	<u>74.952.849.323</u>

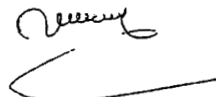
(\*) Chi khác cho hoạt động kinh doanh bao gồm phần chi tạm ứng cho các Xí nghiệp của công ty số tiền 122.809.514.718 VND.

Người lập biểu



Trần Thị Kinh Oanh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2015

Giám đốc



Lê Hữu Châu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một Thành Viên Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh là công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam được chuyển đổi từ Công ty Quản lý công trình Cầu - Phà Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số 0310986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 09 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty tại số 132 Đào Duy Từ, Phường 6, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 44.713.000.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu phà của Thành phố theo phân cấp quản lý. Quản lý và khai thác phục vụ hành khách qua phà; Duy tu bờ kè; Quản lý, bảo dưỡng, chăm sóc công viên cây xanh;
- Hoạt động kinh doanh: Lĩnh vực tư vấn: Khảo sát địa hình xây dựng công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông đường bộ; Tư vấn đấu thầu; Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); Tư vấn xây dựng (quản lý các dự án, đánh giá sự cố, lập phương án xử lý); Thẩm tra thiết kế; Thẩm tra dự toán các công trình xây dựng;
- Lĩnh vực thi công , sản xuất, lắp đặt: Thi công (đào, lắp đặt các công trình ngầm, công trình giao thông, bến bãi, các công trình cấp thoát nước, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp);
- Sản xuất, lắp đặt các biển báo giao thông đường thủy và đường bộ; sơn đường, thả phao tiêu báo hiệu;
- Nạo vét sông, kênh, rạch. Sản xuất gia công lắp đặt phao tiêu đường thủy;
- Thử tải, kiểm định cầu;
- Dịch vụ giữ xe dưới dạp cầu trong hành lang quản lý;
- Vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.5 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.6 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### 2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	3 - 20 năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
- Phần mềm quản lý	3 năm

#### 2.8 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

#### 2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## 2.12 . Ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hợp đồng xây dựng:*

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo biên bản nghiệm thu quyết toán giá trị hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.13 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.14 . Các khoản thuế

### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.15 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	12.742.975	23.395.548
Tiền gửi ngân hàng	25.589.876.347	12.929.453.775
Các khoản tương đương tiền	36.300.000.000	62.000.000.000
	<u>61.902.619.322</u>	<u>74.952.849.323</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 36.300.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển với kỳ hạn 1 tháng, lãi suất từ 4%/năm đến 7,5 %/năm.

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khác	12.423.392.079	7.422.604.711
<i>Phải thu tiền Bảo hiểm các xí nghiệp</i>	<i>228.899.223</i>	<i>210.150.691</i>
<i>Phải thu thuế TNCN</i>	<i>51.041.116</i>	<i>164.118.987</i>
<i>Phải thu tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng</i>	<i>12.012.344.867</i>	<i>6.029.026.720</i>
<i>Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>131.106.873</i>	-
<i>Phải thu tiền thu nhập bán tài sản</i>	-	<i>723.086.091</i>
<i>Phải thu khác</i>	-	<i>296.222.222</i>
	<u>12.423.392.079</u>	<u>7.422.604.711</u>

5 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khách hàng	(40.342.465)	(40.342.465)
	<u>(40.342.465)</u>	<u>(40.342.465)</u>

6 . HÀNG TỒN KHO	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.127.292.290	3.116.920.026
Công cụ, dụng cụ	486.229.687	679.101.487
	<u><u>3.613.521.977</u></u>	<u><u>3.796.021.513</u></u>
7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Chi phí công cụ dụng cụ thi công công trình	34.090.909	2.377.896.048
Chi phí thay vỏ xe ô tô	36.696.384	-
	<u><u>70.787.293</u></u>	<u><u>2.377.896.048</u></u>
8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.349.774.309	2.616.745.476
Thuế thu nhập cá nhân	102.038.562	535.590.386
Các loại thuế khác	233.502.255	-
	<u><u>3.685.315.126</u></u>	<u><u>3.152.335.862</u></u>
9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Tạm ứng	49.514.148.151	94.656.655.530
	<u><u>49.514.148.151</u></u>	<u><u>94.656.655.530</u></u>
10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH		
Xem chi tiết Phụ lục I		



II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu năm	87.100.000	87.100.000
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>87.100.000</u>	<u>87.100.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	20.986.108	20.986.108
Số tăng trong năm	29.033.328	29.033.328
- Khấu hao TSCĐ trong năm	29.033.328	29.033.328
Giảm trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>50.019.436</u>	<u>50.019.436</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	66.113.892	66.113.892
Tại ngày cuối	<u>37.080.564</u>	<u>37.080.564</u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	513.730.000	462.320.000
- Công trình xây dựng trụ sở làm việc	513.730.000	462.320.000
	<u>513.730.000</u>	<u>462.320.000</u>

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Số dư đầu năm	278.553.415	-
Số tăng trong năm	3.005.975.330	384.897.133
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(838.537.671)	(106.343.718)
Giảm khác		
Số dư cuối năm	<u>2.445.991.074</u>	<u>278.553.415</u>
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng làm việc	323.824.254	278.553.415
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.122.166.820	-
	<u>2.445.991.074</u>	<u>278.553.415</u>

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	8.243.668.799	-
Vay ngắn hạn (i)	8.243.668.799	-
	<u>8.243.668.799</u>	<u>-</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(i): Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/16052014/94435/HỆTDHM ngày 16/05/2014 được ký kết giữa Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Hạn mức tín dụng tối đa là 50.000.000.000 VND, lãi suất và thời hạn của khoản vay được xác định theo từng lần giải ngân và hợp đồng tín dụng cụ thể. Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2014 là 8.243.668.799 VND.

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	9.346.361.808	8.699.409.447
Các loại thuế khác	-	723.086.091
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	31.083.776	429.275.849
	<u>9.377.445.584</u>	<u>9.851.771.387</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	71.431.919.704	56.082.513.812
Thuế GTGT phải trả các xí nghiệp	25.946.119.750	25.067.470.960
Chi phí các xí nghiệp chi hộ	44.320.192.805	30.709.301.360
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	426.393.000	38.993.000
Phải trả chuyển nhằm tài khoản	121.557.120	-
Phải trả chi phí sửa chữa do va đập	116.810.231	-
Các khoản phải trả khác	500.846.798	266.748.492
	<u>71.431.919.704</u>	<u>56.082.513.812</u>

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 2.

18 . NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	(7.459.940.896)	(7.616.440.119)
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	36.130.254.293	162.241.403.804
Chi sự nghiệp	(33.870.593.617)	(162.084.904.581)
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>(5.200.280.220)</b>	<b>(7.459.940.896)</b>

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu công tác duy tu cầu	138.953.923.106	136.848.295.456
Doanh thu xây dựng công trình	184.752.714.441	169.618.639.206
Doanh thu công tác Phà	53.454.473.000	69.800.951.000
Doanh thu công tác Kiểm định tư vấn giám sát	544.143.636	1.848.218.526
Doanh thu công tác khai thác đạ cầu	3.874.419.082	3.797.606.351
Doanh thu khác	5.052.746.709	3.732.063.610
<b>Tổng cộng</b>	<b>386.632.419.974</b>	<b>385.645.774.149</b>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn công tác duy tu cầu	115.937.968.753	109.248.104.270
Giá vốn xây dựng công trình	172.414.567.426	158.346.450.212
Giá vốn công tác phà	53.628.137.193	69.211.305.794
Giá vốn hoạt động Kiểm định tư vấn giám sát	507.630.825	1.722.812.098
Giá vốn khai thác đạ cầu	3.593.636.679	3.520.956.852
Giá vốn khác	4.585.473.065	3.316.363.830
<b>Tổng cộng</b>	<b>350.667.413.941</b>	<b>345.365.993.056</b>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.203.250.187	5.410.805.982
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.203.250.187</b>	<b>5.410.805.982</b>

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	103.790.049	-
	<u>103.790.049</u>	<u>-</u>

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.212.317.079	1.783.942.269
Chi phí nhân công	10.844.943.374	18.928.758.010
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.658.403.954	2.395.361.101
Thuế, phí, lệ phí	1.034.917.913	1.065.932.835
Chi phí dự phòng	-	45.511.875
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.280.146.755	3.949.780.778
Chi phí khác bằng tiền	988.920.236	999.917.835
	<u>23.019.649.311</u>	<u>29.169.204.703</u>

24 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Hoàn nhập quỹ lương chưa chi hết	-	7.308.150.260
Chi phí duy tu năm 2008, 2009 không phải trả	1.852.486.668	1.429.959.970
Thu tiền đền bù, bồi thường	595.166.160	652.729.787
Thu tiền di dời cầu dẫn và phao nổi bến thủy nội địa Thủ Thiêm	181.448.182	-
Hoa hồng bảo hiểm	47.149.421	-
Doanh thu cho thuê phà	109.090.910	272.727.275
Thu nhập khác	5.732.401	112.079.760
	<u>2.791.073.742</u>	<u>9.775.647.052</u>

25 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Công nợ phải trả do đối chiếu	143.131.687	-
Chi phí di dời cầu dẫn và phao nổi bến thủy nội địa Thủ Thiêm	181.448.182	-
Chi phí sửa chữa cầu, đường đò và đặng	483.306.159	351.610.362
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	47.999.996
Phạt nộp chậm thuế	-	345.347.259
Chi phí khác	18.525.000	-
	<u>826.411.028</u>	<u>744.957.617</u>

26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	18.009.479.574	25.552.071.807
Thu nhập chịu thuế TNDN	18.009.479.574	25.552.071.807
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.962.085.506</b>	<b>6.388.017.952</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	1.666.534	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(2.616.745.476)	1.818.741.793
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(4.696.780.873)	(10.823.505.221)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(3.349.774.309)</b>	<b>(2.616.745.476)</b>

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.902.619.322	-	74.952.849.323	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	117.147.373.884	(40.342.465)	75.928.765.194	(40.342.465)
	<b>179.049.993.206</b>	<b>(40.342.465)</b>	<b>150.881.614.517</b>	<b>(40.342.465)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	8.243.668.799	-
Phải trả người bán, phải trả khác	88.755.493.473	70.707.920.245
	<b>96.999.162.272</b>	<b>70.707.920.245</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Tiền và tương đương tiền	61.902.619.322	-	-	61.902.619.322
Phải thu khách hàng, phải thu khác	117.107.031.419	-	-	117.107.031.419
	<u>179.009.650.741</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>179.009.650.741</u>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Tiền và tương đương tiền	74.952.849.323	-	-	74.952.849.323
Phải thu khách hàng, phải thu khác	75.888.422.729	-	-	75.888.422.729
	<u>150.841.272.052</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>150.841.272.052</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>				
Vay và nợ	8.243.668.799	-	-	8.243.668.799
Phải trả người bán, phải trả khác	88.755.493.473	-	-	88.755.493.473
	<u>96.999.162.272</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>96.999.162.272</u>

Tại ngày 01/01/2014			
Vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	70.707.920.245	-	70.707.920.245
	<u>70.707.920.245</u>	<u>-</u>	<u>70.707.920.245</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2014 và Cổ phần hóa theo Quyết định số ... ngày ... của UBND Thành Phố Hồ Chí Minh.. Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

## 29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động kinh doanh công ích	Hoạt động kinh doanh ngoài công ích	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	192.408.396.106	194.224.023.868	386.632.419.974
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>22.842.290.160</b>	<b>13.122.715.873</b>	<b>35.965.006.033</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	1.153.921.430	1.164.810.206	2.318.731.636
Tài sản bộ phận	62.199.779.260	42.524.202.545	104.723.981.805
Tài sản không phân bổ	-	-	225.498.014.048
<b>Tổng tài sản</b>	<b>63.353.700.690</b>	<b>43.689.012.751</b>	<b>332.540.727.489</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	22.472.313.381	12.738.979.760	35.211.293.141
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	151.672.347.530
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>22.472.313.381</b>	<b>12.738.979.760</b>	<b>186.883.640.671</b>

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị diễn ra tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2014</u> VND	<u>Năm 2013</u> VND
Mua nguyên vật liệu			
- Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn	Công ty cùng chủ sở hữu	22.765.394.341	25.224.774.643

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Phải thu			
- Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn	Công ty cùng chủ sở hữu	410.000.000	12.745.548
Phải trả			
- Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn	Công ty cùng chủ sở hữu	2.849.611.537	5.289.744.838

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2014</u> VND	<u>Năm 2013</u> VND
- Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	1.798.776.581	1.609.113.537

**31 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Thái Bình Dương kiểm toán và được điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra tài chính năm 2012 của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Tài chính Doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

	<u>Mã số</u>	<u>Điều chỉnh lại</u> VND	<u>Đã trình bày trên báo cáo năm trước</u> VND	<u>Chênh lệch</u> VND
a) Bảng Cân đối kế toán				
- Phải thu khách hàng	131	68.506.160.483	68.715.799.817	(209.639.334) (1)
- Các khoản phải thu khác	135	7.422.604.711	6.403.296.398	1.019.308.313 (2)
- Trả trước cho người bán	132	3.375.930.141	6.940.430.141	(3.564.500.000) (3)
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(40.342.465)	(244.842.465)	204.500.000 (4)
- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	3.152.335.862	3.861.834.582	(709.498.720) (5)
- Nguyên giá Tài sản cố định	222	142.456.007.426	142.251.507.426	204.500.000 (4)
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(54.077.103.870)	(53.962.924.703)	(114.179.167) (6)
- Người mua trả tiền trước	313	98.114.511.676	93.513.852.265	4.600.659.411 (1)
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	312	9.851.771.387	9.565.985.185	285.786.202 (7)



- Phải trả người lao động	315	30.005.902.418	36.830.353.099	(6.824.450.681) (8)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	17.341.611.145	(2.223.802.610)	19.565.413.755 (9)
- Quỹ dự phòng tài chính	418	11.126.507.673	8.952.572.811	2.173.934.862 (10)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	19.164.892.980	38.775.745.437	(19.610.852.457) (11)
- Nguồn kinh phí	432	(7.459.940.896)	(4.099.940.896)	(3.360.000.000) (3)

(1): Phải thu khách hàng giảm 209.639.334 VND, khách hàng trả tiền trước tăng 4.600.659.411 VND do tăng công nợ phải thu khách hàng 8.175.396.325 VND do điều chỉnh doanh thu, giảm nợ phải thu do giảm doanh thu duy tu, khoản cầu giá trị 12.090.146.000 VND và giảm nợ phải thu giá trị công trình duy tu, khoản cầu bị cắt giảm các năm trước giá trị 895.549.070 VND;

(2): Phải thu khác tăng 1.019.308.313 VND do tăng dự thu lãi đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số tiền 296.222.222 VND, tăng phải thu khác đối với tiền bán tài sản thuộc ngân sách nhà nước 723.217.848 VND;

(3): Trả trước cho người bán giảm 3.564.500.000 VND, nguồn kinh phí sự nghiệp giảm 3.360.000.000 VND do tăng chi sự nghiệp tương ứng với khoản tiền Kho bạc Nhà nước đã chuyển tiền cho nhà thầu số tiền 3.360.000.000 VND và giảm ứng trước cho người bán 204.500.000 VND giá trị của 5 xe tải;

(4): Tăng Nguyên giá TSCĐ 5 xe tải và giảm công nợ Trả trước người bán giá trị 204.500.000 VND;

(5): Giảm các khoản phải thu Nhà nước do tăng thuế TNDN tính lại giá trị 709.498.720 VND;

(6): Trích khấu hao bổ sung với tài sản là 5 xe tải;

(7): Giảm thuế GTGT đầu ra số tiền 437.299.889 VND do giảm doanh thu duy tu, khoản cầu, tăng khoản phải nộp nhà nước doanh thu bán tài sản từ nguồn ngân sách 743.217.848 VND;

(8): Tăng chi phí nhân công trực tiếp 4.307.726.868 VND do tăng giá vốn hoạt động duy tu và khoản cầu, giảm quỹ lương nhân công trực tiếp 8.629.707.549 VND, giảm quỹ lương bộ phận gián tiếp 2.806.000.000 VND;

(9): Trích bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi 19.315.413.755 VND và quỹ khen thưởng ban điều hành công ty 250.000.000 VND từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2012;

(10): Trích bổ sung quỹ dự phòng tài chính 2.173.934.862 VND từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2012;

(11): Giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do tăng tổng doanh thu và thu nhập khác 4.076.776.634 VND, giảm tổng chi phí 6.914.771.514 VND và phân phối lại lợi nhuận sau thuế.

Người lập biểu

Trần Thị Kinh Oanh

Kế toán trưởng

Lê Nga Phương

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2015

Giám đốc



Trần Hữu Châu

Phụ lục 1 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

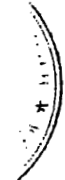
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	14.886.445.198	4.739.982.175	121.698.332.553	1.131.247.500	142.456.007.426
Số tăng trong năm	-	848.967.926	9.455.510.646	-	10.304.478.572
- <i>Mina trong năm</i>	-	838.888.000	1.479.843.636	-	2.318.731.636
- <i>Tăng do Ngân sách cấp</i>	-	10.079.926	7.975.667.010	-	7.985.746.936
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	14.886.445.198	5.588.950.101	131.153.843.199	1.131.247.500	152.760.485.998
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.954.307.979	3.072.347.355	47.360.097.291	690.351.245	54.077.103.870
Số tăng trong năm	1.671.919.116	410.386.057	8.693.398.083	140.383.320	10.916.086.576
- <i>Khấu hao trong năm</i>	1.671.919.116	410.386.057	8.693.398.083	140.383.320	10.916.086.576
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	4.626.227.095	3.482.733.412	56.053.495.374	830.734.565	64.993.190.446
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	11.932.137.219	1.667.634.820	74.338.235.262	440.896.255	88.378.903.556
Tại ngày cuối năm	10.260.218.103	2.106.216.689	75.100.347.825	300.512.935	87.767.295.552

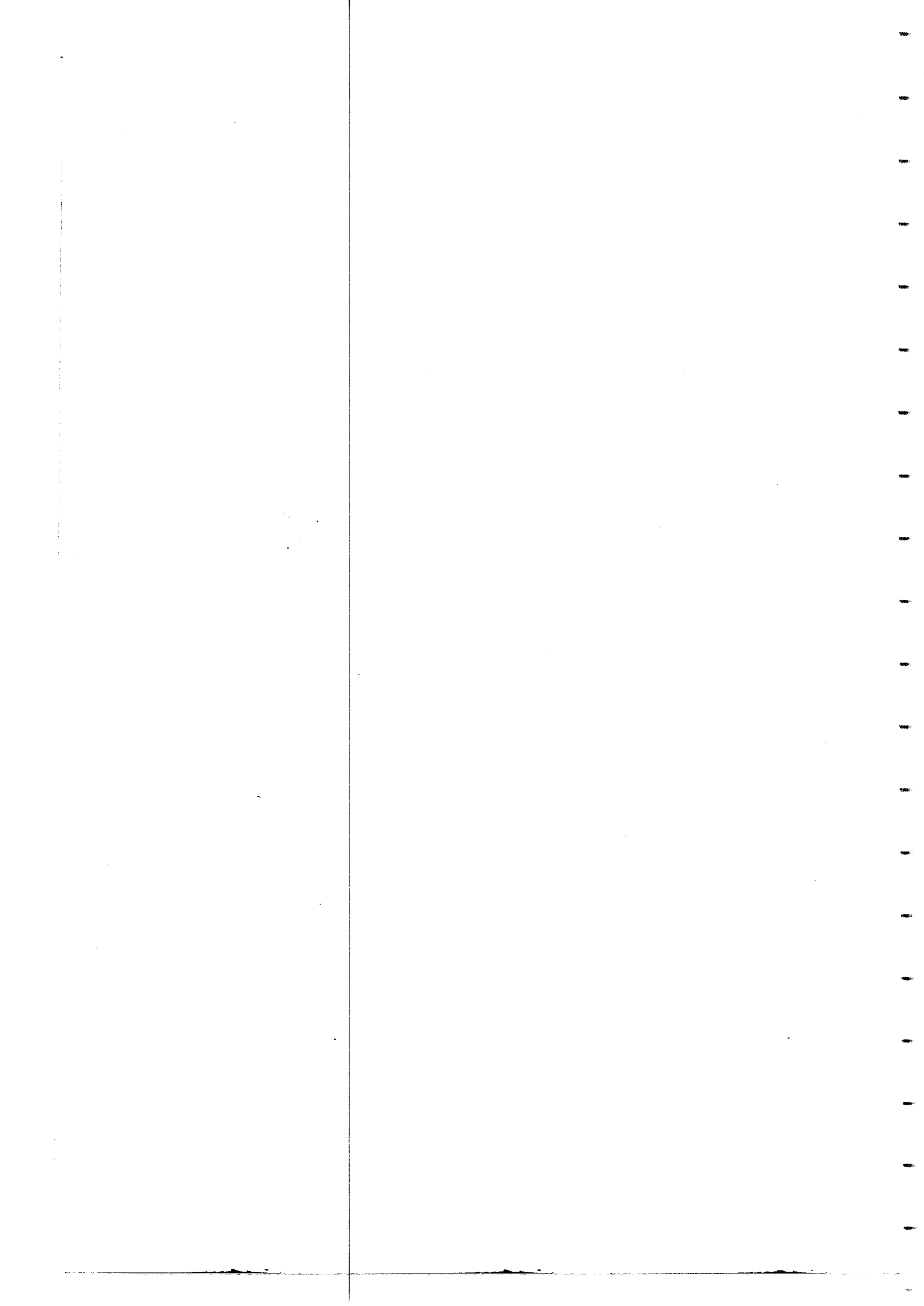
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng:

22.541.021.874

Phụ lục 2 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của CSH VND	Vốn khác của CSH VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	44.713.000.000	41.567.525.381	11.126.507.673	839.125	97.407.872.179
Tăng vốn trong kỳ trước	-	12.252.300.000	-	-	12.252.300.000
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	19.164.053.855	19.164.053.855
Số dư cuối kỳ trước	44.713.000.000	53.819.825.381	11.126.507.673	19.164.892.980	128.824.226.034
Tăng vốn trong kỳ này	-	7.985.746.936	-	-	7.985.746.936
Lãi trong kỳ này	-	-	-	14.047.394.068	14.047.394.068
Số dư cuối kỳ này	44.713.000.000	61.805.572.317	11.126.507.673	33.212.287.048	150.857.367.038





CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *M/36*/CTCP-KTTV

Về việc trích quỹ khen thưởng- phúc lợi  
năm 2013 và 2014

TP.HCM, Ngày *8* tháng 6 năm 2015

**Kính gửi: Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM**

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty Cổ Phần;

Căn cứ Quyết định số 568/QĐ-UBND, ngày 30/1/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013-2015;

Căn cứ Quyết định số 5651/QĐ-UBND, ngày 30/1/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước công ty TNHH một thành viên Công trình cầu phà thành phố Hồ Chí Minh thuộc công ty Đầu tư Tài chính nhà nước TP.HCM;

Căn cứ công văn số 298/UBND-CNN, ngày 21/1/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về kế hoạch, tiến độ cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước năm 2015;

Căn cứ vào báo cáo giám sát năm 2013 ngày 3/3/2014 và báo cáo giám sát năm 2014 ngày 30/1/2015 của Công ty TNHH một thành viên Công trình Cầu phà TP.HCM.

Căn cứ vào số liệu báo cáo tài chính năm 2013, 2014 đã được kiểm toán;

Căn cứ Nghị quyết số 131/NQ-CTCP-HĐTV ngày 8/6/2015 về việc tạm phân phối lợi nhuận năm 2013, 2014 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH một thành viên Công trình Cầu Phà TP.HCM.

Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh kính trình Công ty Đầu tư Tài Chính Nhà nước TP.HCM về việc phân phối lợi nhuận năm 2013, 2014 như sau:

1. Năm 2013 Doanh nghiệp tạm xếp loại doanh nghiệp là loại B,

*DVT: Đồng*

Nội dung	Năm 2013	Ghi chú
1.Lợi nhuận trước thuế	25.552.071.807	
2.Thuế TNDN	6.474.354.767	
3.Lợi nhuận sau thuế	18.844.214.786	

4.Trích Quỹ đầu tư và phát triển	5.653.264.436	30% Lợi nhuận sau thuế
5.Trích thưởng Ban điều hành	188.416.667	DN xếp loại B trích 1 tháng lương thực trích 2.261.000.000/12
6.Lợi nhuận còn lại trích quỹ khen thưởng phúc lợi	13.002.533.683	(6)=(3)-(4)-(5)
7.Quỹ lương làm cơ sở	105.100.644.614	Tạm tính theo quyết toán 2013
8. DN xếp loại B, trích 1,5 tháng	13.137.580.577	
9. Trích quỹ KT – PL, trong đó:	13.137.580.577	
Trích từ lợi nhuận	13.002.533.683	
Trích từ quỹ đầu tư phát triển	135.046.894	
10.Chia quỹ KT – PL như sau:	13.137.580.577	
Quỹ khen thưởng	9.196.306.404	
Quỹ Phúc lợi	3.941.274.173	

2. Năm 2014 Doanh nghiệp tạm xếp loại doanh nghiệp là loại A

DVT: Đồng

Nội dung	Năm 2014	Ghi chú
1.Lợi nhuận trước thuế	18.009.479.574	
2.Thuế TNDN	4.010.898.603	
3.Lợi nhuận sau thuế	13.998.580.971	
4.Trích Quỹ đầu tư và phát triển	4.199.574.291	30% Lợi nhuận sau thuế
5.Trích thưởng Ban điều hành	265.250.000	DN xếp loại A trích 1,5 tháng lương thực trích 2.122.000.000/12*1,5
6.Lợi nhuận còn lại trích quỹ khen thưởng phúc lợi	9.533.756.680	(6)=(3)-(4)-(5)
7.Quỹ lương làm cơ sở	92.786.560.798	
8.Trích quỹ KT - PL 3 tháng lương	23.196.640.200	
9. Trích quỹ KT – PL, trong đó	13.733.330.971	
Trích từ lợi nhuận	9.533.756.680	
Trích từ quỹ đầu tư phát triển	4.199.574.291	
10. Chia quỹ KT – PL như sau:	13.733.330.971	
Quỹ khen thưởng	9.613.331.680	
Quỹ Phúc lợi	4.119.999.291	

Riêng năm 2014 sau khi trích Quỹ đầu tư phát triển và quỹ thưởng Ban điều hành theo qui định, lợi nhuận còn lại không đủ trích quỹ Khen thưởng phúc lợi do đó doanh nghiệp giảm trừ Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn quỹ Khen thưởng phúc lợi 2014.Như vậy quỹ Khen thưởng phúc lợi 2014 là 13.733.330.971 đồng, bao gồm:

- + Lợi nhuận còn lại: 9.613.331.680 đồng
- + Bổ sung từ quỹ Đầu tư phát triển: 4.119.999.291 đồng

Hiện nay Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà TP.HCM đang thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi thành Công ty Cổ phần, để xác định đầy đủ các khoản phải trả cho người lao động, Công ty Cầu Phà kính trình Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM xem xét tạm phân phối lợi nhuận năm 2013, 2014 để trích các quỹ khen thưởng phúc lợi như sau:

STT	Nội dung	Năm 2013	Năm 2014	Tổng cộng
1	Quỹ khen thưởng	9.196.306.404	9.613.331.680	18.809.638.084
2	Quỹ phúc lợi	3.941.274.173	4.119.999.291	8.061.273.464
3	Tổng cộng	13.137.580.577	13.733.330.971	26.870.911.548

Tạm trích lập quỹ thưởng Ban điều hành:

- Năm 2013: 188.416.667 đồng
- Năm 2014: 265.250.000 đồng

Tổng cộng: 453.666.667 đồng

Trân trọng!

Nơi nhận:

-Như trên

-HĐTV, KSV

-Lưu HCQT, KTTV051 *LS*



GIÁM ĐỐC *LS*

LÊ HỮU CHÂU





Số: 13 /NQ-CTCP-HĐTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 06 năm 2015.

**NGHỊ QUYẾT**  
Về việc tạm phân phối lợi nhuận năm 2013,2014

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội ban hành ngày 29/11/2005;

Căn cứ Quyết định số 2123/QĐ-UBND ngày 12/5/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty QLCT Cầu Phà TP.HCM thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty TNHH MTV Công trình Cầu phà TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 14/4/2011 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Quy chế quản lý tài chính Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm Quyết định số 136/QĐ-HĐTV ngày 27/05/2015 của Hội đồng thành viên Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Xét đề nghị của Giám đốc Công ty tại công văn số 1623/CTCP-KTTV ngày 05/6/2015 v/v trích quỹ khen thưởng - phúc lợi năm 2013 và 2014,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất tạm phân phối lợi nhuận năm 2013, 2014 để trích quỹ khen thưởng và phúc lợi của người lao động và quỹ thưởng Ban điều hành như sau:

1. Tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động:

STT	Nội dung	Năm 2013	Năm 2014	Tổng cộng
1	Quỹ khen thưởng	9.196.306.404	9.613.331.680	18.809.638.084
2	Quỹ phúc lợi	3.941.274.173	4.119.999.291	8.061.273.464
3	Tổng cộng:	13.137.580.577	13.733.330.971	26.870.911.548

2. Tạm trích lập quỹ thưởng Ban điều hành:

- Năm 2013: 188.416.667 đồng
- Năm 2014: 265.250.000 đồng

**Tổng cộng: 453.666.667 đồng**

**Điều 2.** Giám đốc Công ty có trách nhiệm chỉ đạo các phòng, ban tham mưu hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo Chủ sở hữu về số tiền quỹ được trích lập và việc chi sử dụng quỹ của công ty trong từng năm tài chính 2013, 2014 theo quy định tại khoản 5 Điều 26 - Quy chế quản lý tài chính Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà TP. Hồ Chí Minh do Công ty Đầu tư Tài chính nhà nước ban hành.

**Điều 3.** Các Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty chịu trách nhiệm triển khai thực hiện nghị quyết này.

**Nơi nhận:**

- Công ty HFIC;
- Đảng ủy Công ty;
- HĐQT, KSV, BGĐ Công ty;
- Công đoàn Công ty;
- Các phòng, ban; đơn vị;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**



**Trần Minh Thành**